

Số: 2962/2015/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định Mức trần thù lao công chứng; thù lao dịch thuật và chi phí đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản trong hoạt động công chứng, chứng thực áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1067/TTr-STP ngày 29 tháng 6 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quyết định này quy định mức trần thù lao đối với việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch; thù lao dịch thuật; chi phí đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản trong hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Mức trần thù lao, chi phí trên đã bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (VAT).

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức hành nghề công chứng.

b) Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

c) Người yêu cầu công chứng, chứng thực và dịch thuật.

**Điều 2. Quy định Mức trần thù lao công chứng áp dụng tại các Tổ chức hành nghề công chứng**

**1. Mức trần thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch**

STT	HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	MỨC THU <i>Đồng/trường hợp</i>
1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh.	300.000
2	Hợp đồng ủy quyền.	80.000
3	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	100.000
4	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất.	120.000
5	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô, xe máy.	60.000
6	Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản.	100.000
7	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản.	80.000
8	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	50.000
9	Di chúc.	150.000
10	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản.	150.000
11	Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng.	100.000
12	Văn bản từ chối nhận di sản.	50.000
13	Giấy ủy quyền.	50.000
14	Hợp đồng, giao dịch khác.	50.000

2. Chi phí xác minh, giám định hoặc thực hiện công chứng ngoài trụ sở

a) Trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị xác minh, giám định hoặc thực hiện công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng thì người yêu cầu công chứng phải trả chi phí để thực hiện việc đó.

b) Chi phí do người yêu cầu công chứng và tổ chức hành nghề công chứng thỏa thuận nhưng phải niêm yết rõ nguyên tắc tính chi phí và có trách nhiệm giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng về các chi phí cụ thể đó. Tổ chức hành nghề công chứng không được thu chi phí cao hơn mức chi phí đã thỏa thuận.

**Điều 3. Mức trần thù lao dịch thuật văn bản, giấy tờ áp dụng tại các Tổ chức hành nghề công chứng và Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

STT	DỊCH VĂN BẢN, GIẤY TỜ	MỨC THU Đồng/trang (Bao gồm cả công dịch và công đánh máy)
<b>I</b>	<b>Dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt</b>	
1	Tiếng Anh.	80.000
2	Tiếng Nga, Trung, Pháp.	100.000
3	Tiếng nước ngoài khác.	130.000
<b>II</b>	<b>Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài</b>	
1	Tiếng Anh.	100.000
2	Tiếng Nga, Trung, Pháp.	120.000
3	Tiếng nước ngoài khác.	150.000

**Điều 4. Mức trần chi phí đánh máy, sao chụp văn bản, giấy tờ áp dụng thực hiện tại các Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

STT	CHI PHÍ ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP VĂN BẢN	MỨC THU Đồng/trang
1	Đánh máy văn bản (trang A4).	5.000
2	Sao chụp văn bản (trang A4).	500
3	Sao chụp văn bản (trang A3).	1.000

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thu thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí đánh máy, sao chụp văn bản, giấy tờ theo quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Các Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Căn cứ mức trần thù lao và chi phí nêu trên để quy định mức thu cụ thể nhưng không được cao hơn mức trần quy định tại Quyết định này.

b) Niêm yết công khai mức trần thù lao và chi phí tại trụ sở và giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng, chứng thực.

c) Các tổ chức, cá nhân thu thù lao, chi phí cao hơn mức trần tại Quyết định này và mức thù lao, chi phí đã niêm yết thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng các Tổ chức hành nghề công chứng; Trưởng Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6 QĐ;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Tuấn**